

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã số: **52340101**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Kinh tế Nghệ An**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

PHẦN 1 SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngay từ đầu năm 2007, những tín hiệu khả quan về tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ đầu tư trong và ngoài nước, hàng loạt doanh nghiệp mới ra đời và mở rộng quy mô sản xuất đã tạo ra “con sốt” thiếu hụt nguồn lao động. Nhiều chuyên gia kinh tế nhận định, cơn sốt thiếu lao động đang lan rộng. Trong hội nghị APEC vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có dịp gặp gỡ với các nhà đầu tư nước ngoài, theo đó nguồn nhân lực của Việt Nam được đánh giá là thiếu hụt trầm trọng cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Vì thế, nếu không giải quyết tốt, sự thiếu hụt đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung và tiến độ đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Để khắc phục sự hụt hẫng nguồn nhân lực, đã có không ít doanh nghiệp buộc phải thuê lao động quản lý nước ngoài có trình độ cao và thích nghi môi trường cạnh tranh cao.

Ở các nước trên thế giới, đào tạo ngành QTKD đang là một trong những mũi nhọn của hầu hết các nước phát triển. Mỗi năm có hàng ngàn doanh nghiệp được thành lập, song song với nó là hàng ngàn doanh nghiệp phá sản. Do vậy, nhu cầu doanh nhân tài giỏi để lãnh đạo doanh nghiệp và cạnh tranh trong bối cảnh khốc liệt đã khiến cho nhu cầu đào tạo nhân lực ngành QTKD trở thành then chốt quyết định sự sống còn của doanh nghiệp

Tại Việt Nam, mặc dầu có nhiều cơ sở đào tạo cử nhân ngành QTKD như trường ĐHKT-ĐHQGHN, trường ĐH Kinh tế Quốc dân, trường ĐH Thương mại, Học viện Tài chính, v.v...

Thực trạng công tác đào tạo cử nhân QTKD ở trên địa bàn miền Trung nói chung và Nghệ An nói riêng đã cho thấy sự chưa đồng bộ và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trên địa bàn. Tình trạng đào tạo manh mún, nhỏ lẻ, yêu cầu cao về

khả năng tài chính của SV ở các trường ĐH đào tạo cử nhân QTKD hiện nay cho thấy sự đầu tư chưa đúng mức của các trường nói riêng và Nhà nước nói chung.

Địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên gồm có 17 tỉnh, thành phố, được chia thành 3 khu vực: Bắc Trung Bộ có 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế), Nam Trung Bộ gồm 6 tỉnh, thành phố (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) và Tây Nguyên có 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng), với 206 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và 3.351 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (bằng 30% đơn vị hành chính của cả nước). Toàn khu vực có diện tích tự nhiên 139.366 km², bằng 42% diện tích cả nước; dân số trên 23 triệu người, gần bằng 27% dân số cả nước. Miền Trung nói chung và Nghệ An nói riêng là vùng lãnh thổ rộng lớn, giàu truyền thống cách mạng, kiên cường trong kháng chiến, cần cù và sáng tạo trong lao động, nhưng Miền Trung và Nghệ An cũng còn là vùng đất có nhiều khó khăn trong tăng trưởng kinh tế; các tỉnh, thành phố trong vùng còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển, và một trong các nguyên nhân dẫn đến tình hình này là vấn đề nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, tài chính. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ về nhu cầu nhân lực đã dự báo đến năm 2015, tổng số nhân lực làm việc trong nền kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên khoảng 15,2 triệu người; tốc độ tăng nhân lực qua đào tạo bình quân hàng năm thời kỳ 2011- 2015 của vùng khoảng 8-9%/năm, đạt khoảng 7,3 triệu người (tăng 2,9 triệu người so với năm 2010) và chiếm khoảng 45% tổng số nhân lực làm việc trong nền kinh tế. Đến năm 2020, tổng số nhân lực làm việc trong nền kinh tế của vùng là gần 16,6 triệu người; tốc độ tăng nhân lực qua đào tạo bình quân hàng năm thời kỳ 2016-2020 khoảng 8%/năm, đạt khoảng 10,7 triệu người (tăng 3,4 triệu người so với năm 2015) và chiếm khoảng 60% tổng nhân lực làm việc trong nền kinh tế.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 460.000 doanh nghiệp, trong đó có trên 100 tập đoàn, tổng công ty lớn; mỗi năm thành lập mới thêm khoảng 60-80 nghìn doanh nghiệp... Các doanh nghiệp Việt Nam đang hội nhập với quốc tế ngày càng sâu rộng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, khu vực Bắc Trung Bộ, duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên được đánh giá là nơi đang có sức thu hút rất lớn đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào các Khu kinh tế lớn như Dung Quất (Quảng Ngãi), Chu Lai (Quảng Nam), Nhơn Hội (Bình Định), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Hòn La (Quảng Bình), Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Vân Phong (Khánh Hòa)... Nhu cầu về nhân

lực quản trị kinh doanh cho các doanh nghiệp, nhu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của khu vực Miền Trung và Nghệ An cho thấy việc duy trì và phát triển quy mô đào tạo đối với ngành Quản trị kinh doanh cho khu vực Miền Trung và Nghệ An là cần thiết. Theo thống kê kết quả tuyển sinh 3 năm gần đây của Bộ GD-ĐT, tỷ lệ thí sinh dự thi vào ngành quản trị kinh doanh năm 2010 là 12,8%, năm 2011 là 10,9% và năm 2012 là 11,2% trên tổng số thí sinh đăng ký dự thi. Khu vực Miền Trung và Nghệ An hiện có 36 trường đại học, tỉnh Nghệ An nói riêng, trong đó số trường có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh không nhiều. Dự án đầu tư thành lập Trường Đại học Kinh tế Nghệ An cũng như Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã xác định việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh là hướng sắp xếp ưu tiên

Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Nghệ An (nay là Trường Đại học Kinh tế Nghệ An) mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Cao đẳng. Năm 2008, Trường đã tuyển sinh đào tạo ngành Quản trị kinh doanh khóa đầu tiên với trên 100 sinh viên. Từ năm 2008 đến nay, quy mô đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường không ngừng tăng lên, đã có 04 khóa tốt nghiệp ra trường với hơn 450 sinh viên tốt nghiệp.

Hiện nay, Khoa Quản trị kinh doanh có 02 bộ môn: Bộ môn Kinh tế và Bộ môn Quản trị doanh nghiệp. Tính đến tháng 3/2014, đội ngũ giảng viên của Khoa có 25 người, chiếm 15% trong tổng số giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 tiến sỹ, 03 NCS; 14 thạc sỹ, 5 giảng viên đang học cao học và 9 cử nhân.

PHẦN 2

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường là 207 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 167 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 40 người. Có 07 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 69 đại học; 20 người đang học cao học và 18 nghiên cứu sinh (có 04 người sẽ bảo vệ tiến sĩ trong năm 2014).

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường đủ khả năng đảm nhận 100% khối lượng của chương trình đào tạo. Trong tổng số giảng viên cơ hữu của trường, Khoa Quản trị kinh doanh có 25 giảng viên, chia thành 2 bộ môn: Kinh tế và Quản trị kinh doanh bao gồm 02 tiến sĩ, 10 thạc sĩ, 3 nghiên cứu sinh sắp bảo vệ, 5 giảng viên đang học cao học và 5 cử nhân, đủ điều kiện để mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh theo quy định tại Thông tư 08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học/học phần của ngành Quản trị kinh doanh bao gồm 47 giảng viên và 1 giảng viên chính, trong đó trình độ Đại học 11 người (chiếm 23%); Thạc sĩ 36 người (chiếm 75%) và tiến sĩ 1 người (chiếm 2%). Đội ngũ giảng viên đủ điều kiện để mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh theo quy định tại Thông tư 08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Chi tiết tại bảng 1*)

Bảng 1: Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần ngành Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	Hoàng Nam Hưng, 1981, Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Lịch sử	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
2	Trần Thị Bình, 1977 Giảng viên	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Triết học	Lịch sử học thuyết kinh tế
3	Nguyễn Quốc Sơn, 1978, giảng viên	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh

4	Nguyễn Thị Thúy Cường, 1977 Giảng viên	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I
5	Nguyễn Đình Thắng , 1956 Giảng viên	Cử nhân, 2013, Việt Nam	Kinh tế chính trị	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II
6	Nguyễn Thị Bích Thủy, 1965, trưởng khoa CSCB kiêm TT Ngoại ngữ	Thạc sỹ 2014 Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng anh 1
7	Nguy Văn Thùy, 1976, tổ phó ngoại ngữ	Thạc sỹ 2010 Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng anh 2
8	Nguyễn Thị Hoài Ly, 1983, giảng viên	Thạc sỹ 2010 Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành
9	Trần Thị Thiên Hương, 1979, giảng viên	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Toán	Toán cao cấp
10	Bùi Thị Thanh, 1980, giảng viên	Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Toán	Xác suất và thống kê
11	Bùi Đình Thắng, 1980, giảng viên	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Toán	Toán kinh tế
12	Trần Thị vân Diên, 1980, giảng viên	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Hành chính công	Văn bản trong quản lý
13	Đào Nha Trang, 1982, tổ phó tin học	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Tin học	Tin học đại cương
14	Trần Thị Thu Hà, 1977 giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
15	Phan Thanh Bình, 1979 tổ trưởng tổ luật	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật kinh tế	Luật kinh tế
16	Nguyễn Thị Hải Hậu, 1979 giảng viên	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	GDTC	Giáo dục thể chất

17.	Hồ chí Quý, 1987 giảng viên	Cử nhân, 2010, Việt Nam	GDQP	Giáo dục quốc phòng
18	Nguyễn Công Nhật, 1980 giảng viên	Tiến sỹ, 2013, Philippin	Quản trị kinh doanh	Hệ thống thông tin quản lý
19	Nguyễn Thị Ngọc Dung, 1959, giảng viên chính, Trưởng khoa QTKD	Thạc sỹ 2005 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vi mô
20	Đặng Thị Thảo, 1980, phó khoa QTKD kiêm TT QTKD	Thạc sỹ 2012 (NCS)	Quản trị kinh doanh	Quản trị sản xuất
21	Lê Thị Xuân, 1977, trưởng bộ môn kinh tế	Thạc sỹ 2006 Việt Nam	Kinh tế	Quản trị học đại cương
22	Nguyễn Lan Anh, 1983, phó bộ môn Quản trị kinh doanh	Thạc sỹ 2009 (NCS)	Quản trị kinh doanh	Văn hoá kinh doanh
23	Hồ Thị Hoàng Lương, 1983, giảng viên	Thạc sỹ 2011 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Kinh tế quốc tế
24	Lê Thị Hồng Ngọc, 1981 giảng viên	Thạc sỹ 2009 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị chiến lược
25	Lê Thị Trang, 1987 giảng viên	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị Doanh nghiệp
26	Nguyễn Xuân Thọ, 1979, giảng viên	Thạc sỹ 2012 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản lý dự án đầu tư
27	Trần Thị Hường, 1984, giảng viên	Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
28	Bành Thị Vũ Hằng, 1985 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Kinh tế	Quản trị kinh doanh thương mại
29	Trịnh thị Lê, 1988 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế phát triển

30	Lê Thị Ngọc Mai, 1985 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị nguồn nhân lực
31	Nguyễn Thị Lan Anh, 1989 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị chất lượng
32	Dương Tiến Dũng, 1989 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị Marketing
33	Phan Thị Hoa, 1988 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Marketing
34	Trần Thị Mai, 1987 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng quản trị
35	Nguyễn Thị Thùy Linh, 1989 giảng viên	Cử nhân Việt Nam	Kinh tế	Giao tiếp trong kinh doanh
36	Hồ Thị Hiền, 1981, Phó bộ môn kinh tế	Thạc sỹ 2012 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vĩ mô
37	Hoàng Thị Thúy Hằng, 1984 giảng viên	Thạc sỹ 2010 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính
38	Ngô Văn Chung, 1983 giảng viên	Thạc sỹ, 2012 Việt Nam (sắp bảo vệ)	Quản trị kinh doanh	Kinh tế lượng
39	Lê Phương, 1985	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thống kê
40	Võ Thị Thúy Hằng, 1987	Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý kế toán
41	Hoàng Thị Hiền, 1981	Thạc sỹ 2001 Việt Nam	Kinh tế	Kế toán tài chính
42	Đoàn Thị Thành Vinh, 1983	Thạc sỹ 2009 Việt Nam	tài chính ngân hàng	Thuế

43	Phạm Thị Mai Hương, 1979	Thạc sỹ 2008 Việt Nam	tài chính	Lý thuyết tài chính tiền tệ
44	Đinh Thị Thúy Hằng, 1983	Thạc sỹ 2011 Việt Nam	Tài chính	Thị trường chứng khoán
45	Lê Thùy Dung, 1986	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Kế toán	Tài chính Doanh nghiệp
46	Võ Thị Thu Hương, 1985	Cử nhân, 2007 Việt Nam	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh
47	Phan Thị Thanh Hà, 1977	Thạc sỹ 2008 Việt Nam	Kế toán	Kiểm toán
48	Phạm Thị Nguyệt Thương, 1979	Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Kinh tế	Kế toán quản trị

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

Hiệu trưởng

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Diện tích đất hiện có đang sử dụng là 5,765 ha, ngoài ra còn 18 ha đang giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng cơ sở 2. Với diện tích đất đang sử dụng, nhà trường đã xây dựng 24626 m² sàn làm việc và học tập, trong đó có 45 phòng giảng đường, 6 phòng học thực hành tin học - kế toán máy, 2 phòng học LAB, 2 phòng thí nghiệm khối nông lâm, 2 hội trường và 1 thư viện hiện đại. Đến đầu năm học 2014-

2015 sẽ khánh thành đưa vào sử dụng nhà 7 tầng với 35 phòng học thiết kế theo tiêu chuẩn hiện đại. (Chi tiết tại bảng 2)

Bảng 2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường, phòng học			Projector	30	Học tiếng nước ngoài
				Loa, âm li	10	
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài			Cabin nghe	60	
				Máy vi tính kết nối mạng LAN	60	
				Headphone	60	
				Đầu DVD	2	
				Đài cassette	6	
3	Phòng thực hành máy tính	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180	Thực hành tin học, kế toán máy, tin học ứng dụng cho các ngành

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

Hiệu trưởng

2.2. Thư viện, giáo trình, sách:

+ Thư viện

- Tổng số diện tích thư viện: 403,5m², trong đó diện tích phòng đọc: 200 m²
- Số chỗ ngồi: 100
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50 cái
- Phần mềm quản lý thư viện: 1
- Thư viện điện tử: có thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, thư viện chưa được kết nối với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Số lượng đầu sách, tài liệu: 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách
- Báo và tạp chí: 62

Nhà trường đang sử dụng các tài liệu khoa học của các trường đại học trên cơ sở mục tiêu đào tạo các ngành và chuyên ngành đang tổ chức đào tạo để biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng đảm bảo đủ nội dung, tính khoa học, tính sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới và cập nhật kịp thời các chính sách, chế độ, luật pháp về quản lý kinh tế, tài chính, kinh doanh, tiền tệ, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sự phát triển của xã hội.

+ Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

(Chi tiết tại bảng 3)

Bảng 3: Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ GD & ĐT chỉ đạo biên soạn	Chính trị quốc gia	2010	200	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bộ GD & ĐT chỉ đạo biên soạn	Chính trị quốc gia	2010	200	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD & ĐT chỉ đạo biên soạn	Chính trị quốc gia	2011	200	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ GD & ĐT chỉ đạo biên soạn	Chính trị quốc gia	2010	200	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn CN Kinh tế
6	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn CN Kinh tế
7	Tiếng Anh chuyên ngành	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn CN Kế toán
8	Tin học đại cương	PGS TS Hàn Viết Thuận	NXB ĐH Kinh tế QĐ	2010	200	Tin học đại cương
9	Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2012	200	Pháp luật Đại cương
10	Soạn thảo văn bản	Lương Văn Úc	Trường ĐH KT Quốc dân	2013	200	Văn bản trong quản lý
11	Toán cao cấp	Lê Đình Thúy	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2912	200	Toán cao cấp
12	Xác suất và thống kê	PGS.TS. Nguyễn Cao Văn (CB)	NXB ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Lý thuyết XS và Thống kê
13	Giáo dục thể chất	Bài giảng giáo dục thể chất	Đại học Lâm Nghiệp	2008	200	Giáo dục thể chất
14	Giáo dục quốc phòng	Bộ GD & ĐT chỉ đạo biên soạn	NXB Giáo dục	2012	200	Giáo dục quốc phòng
15	Kinh tế vi mô	PGS, TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2011	200	Kinh tế vi mô
16	Kinh tế vĩ mô	PGS, TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2010	200	Kinh tế vĩ mô

17	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Ngô Văn Lương, Vũ Xuân Mai	Chính trị quốc gia	2004	200	Lịch sử các học thuyết kinh tế
18	Toán kinh tế	Trần Xuân Sinh	Đại học QGHN	2007	200	Toán kinh tế
19	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong; Nguyễn Thị Minh	Đại học KTQD	2011	200	Kinh tế lượng
20	Thuế	Đỗ Đức Minh; Nguyễn Việt Cường	NXB TC	2010	200	Thuế
21	Nguyên lý kế toán	Dương Xuân Thao, Ngô Thị Thu Hoàn	Đại học KTQD	2014	200	Nguyên lý kế toán
22	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học KTQD	2013	200	Marketing căn bản
23	Nguyên lý thống kê	Trần Thị Kim Phúc	Đại học KTQD	2012	200	Nguyên lý thống kê
24	Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2013	200	Pháp luật kinh tế
25	Quản trị học đại cương	Trần Anh Tài	Đại học quốc gia Hà Nội	2013	200	Quản trị học đại cương
26	Kinh tế phát triển	PGS. TS. Phạm Ngọc Linh	Đại học KTQD	2005	200	Kinh tế phát triển
27	Văn hoá kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại học KTQD	2013	200	Văn hoá kinh doanh
28	Quản trị chiến lược	PGS, TS Ngô Kim Thanh	Đại học KTQD	2012	200	Quản trị chiến lược
29	Kế toán tài chính	Ngô Thị Thanh Hoàn, Ts. Dương Xuân Thao	Đại học KTQD	2014	200	Kế toán tài chính
30	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXBTC	2013	200	Tài chính doanh nghiệp

31	Thống kê Doanh nghiệp	GS.TS Phạm Ngọc Kiểm, PGS.TS Nguyễn Công Nhự, TS Bùi Đức Triệu	Đại học KTQD	2009	200	Thống kê Doanh nghiệp
32	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Đô Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học KTQD	2007	200	Quản trị kinh doanh
33	Phân tích hoạt động kinh doanh	GS.TS. Nguyễn Văn Công.	ĐH Kinh tế quốc dân	2013	200	Phân tích hoạt động kinh doanh
34	Kỹ năng quản trị	Ngô Kim Thanh	Đại học KTQD	2012	200	Kỹ năng quản trị
35	Giao tiếp kinh doanh	Hoàng Văn Hoa Trần Thị Vân Hoa	Đại học KTQD	2012	200	Giao tiếp kinh doanh
36	Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực Nguyễn Đình Trung	Đại học KTQD	2013	200	Quản trị tác nghiệp
37	Quản trị tài chính	Nguyễn Đăng Nam Nguyễn Đình Kim	Tài chính	2008	200	Quản trị tài chính
38	Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan	Lao động xã hội	2010	200	Quản trị chất lượng
39	Quản trị nguồn nhân lực	Nguyễn Văn Diễm Nguyễn Ngọc Quân	Đại học KTQD	2010	200	Quản trị nguồn nhân lực
40	Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	Đại học KTQD	2012	200	Quản lý dự án đầu tư
41	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Hoàng Minh Đường Nguyễn Thừa Lộc	Lao động xã hội	2005	200	Quản trị kinh doanh thương mại

42	Quản trị Marketing	Ngô Minh Cách Đào Thị Minh Thanh	Tài chính	2005	200	Quản trị Marketing
43	Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	Đại học KTQD	2012	200	Quản trị doanh nghiệp
44	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạng	NXBTC	2011	200	Tài chính Tiền tệ
45	Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình Nguyễn Thường Lạng	Đại học KTQD	2012	200	Kinh tế quốc tế
46	Hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh	Đại học KTQD	2012	200	Hệ thống thông tin quản lý
47	Kế toán quản trị	Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân Hoàng Thị Hiền	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán quản trị
48	Lý thuyết kiểm toán	TS. Nguyễn Viết Lợi Ths Đậu Ngọc Châu	Nxb Tài chính	2013	200	Kiểm Toán

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

Hiệu trưởng

+ Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

(Chi tiết tại bảng 4)

Bảng 4: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Lý thuyết hạch toán kế toán	PGS.TS Nguyễn Thị Đông	Nxb Tài chính - 2007	1	Nguyên lý kế toán
2	Chế độ kế toán doanh nghiệp Ban hành theo Quyết định số 15/006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006	Bộ Tài chính	Nxb Tài chính - 2006	1	Kế toán tài chính
3	Giáo trình Kế toán Tài chính	GS.TS. NGND Ngô Thế Chi PGS.TS Trương Thị Thủy	Nxb Tài chính - 2013	1	Kế toán tài chính
4	Giáo trình Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	Nxb ĐHKQTĐ - 2012	1	Kế toán quản trị
5	Giáo trình Tổ chức quá trình Kiểm toán Báo cáo tài chính	PGS.TS Thịnh Văn Vinh PGS.TS Giang Thị Xuyên	Nxb Tài chính - 2012	1	Kiểm toán
6	GT Thuế (Dùng cho không chuyên ngành)	Nguyễn Thị Liên ; Nguyễn Văn Hiệu	Nxb Tài chính - 2009	1	Thuế Nhà nước
7	GT Lý thuyết Thuế	Đỗ Đức Minh ; Nguyễn Việt Cường	Nxb Tài chính - 2010	1	Thuế Nhà nước
8	Thị trường chứng khoán và Đầu tư chứng khoán	Trần Văn Khâm	Nxb Thống kê - 2010	1	Thị trường chứng khoán
9	Kinh tế và Tài chính công	Vũ Cương	Nxb Thống kê - 2002	1	Tài chính công
10	Ngân hàng Thương mại		Nxb Tài chính - 2010	1	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại

11	Kinh tế học vĩ mô	Học viện tài chính	NXB Tài chính - 2007	1	Kinh tế học vĩ mô
12	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Lưu hành nội bộ	1	Kinh tế học vĩ mô
13	Bài tập và trắc nghiệm kinh tế học vĩ mô	Học viện tài chính	NXB Tài chính, Hà Nội, 2007;	1	Kinh tế học vĩ mô
14	Bài tập kinh tế học vi mô	Học viện tài chính	Học viện Tài chính, Hà Nội, 2007	1	Kinh tế học vĩ mô
15	Bài giảng Kinh tế vi mô,	Trường Đại học Tài chính - Kế toán.	Trường Đại học Tài chính - Kế toán.	1	Kinh tế học vĩ mô
16	GT Kinh tế học vi mô		Bộ Giáo dục và Đào tạo,...	1	Kinh tế học vĩ mô
17	Giáo trình Marketing căn bản		NXB Bru điện	1	Marketing
18	Marketing căn bản	Philip Kotler	NXB Thống kê	1	Marketing
19	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Trường ĐH kinh tế quốc dân	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	1	Marketing
20	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	1	Văn hoá doanh nghiệp
21	Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp		Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý	1	Văn hoá doanh nghiệp
22	Quản trị học	PGS,TS Đoàn	NXB Tài	1	Quản trị học

		Thị Thu Hà, PGS, TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền	chính, 2011		
23	Quản trị học	Nguyễn Hải Sân	NXB Hồng Đức, Tp. HCM, 2010	1	Quản trị học

Nghệ An, ngày..... tháng năm 2014

Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

Hiệu trưởng

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khoa Quản trị kinh doanh. Từ năm 2000 đến nay, trường đã chủ trì 03 đề tài cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An.

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học. Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 50 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học (trong đó Khoa Quản trị kinh doanh đã hoàn thiện được 36 loại giáo trình dùng cho hệ Cao đẳng và Trung cấp).

Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 7 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

4. Quan hệ quốc tế

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giao tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (khoa học cây trồng, chăn nuôi thú y, kế toán, tài chính,..v.v...).

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, các em được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	52340101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng: Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực quản trị, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ

năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về Quản trị kinh doanh tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

(tương đương 208 tuần) theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

135 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Thang điểm:

Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Loại	Điểm	Loại
Đạt	A (từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (từ 7 đến dưới 8,5)	Khá
	C (từ 5,5 đến dưới 7)	Trung bình
	D (từ 4 đến dưới 5,5)	Trung bình yếu
Không đạt	F (dưới 4)	Kém

7. Nội dung chương trình: 135 tín chỉ

TT	Môn học	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
			Lý thuyết	TH, TLN, BT	Tự học	
7.1	Khối kiến thức chung (giáo dục đại cương)	34	330	360		
7.1.1	<i>Lý luận chính trị</i>					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	15	30	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	30	30	90	

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	30	60	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	30	30	90	
7.1.2.	<i>Khoa học xã hội</i>					
5	Pháp luật đại cương	2	15	30	60	
6	Văn bản trong quản lý	2	15	30	60	
7.1.3	<i>Ngoại ngữ</i>					
7	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
8	Tiếng Anh 2	4	45	30	120	
9	Tiếng Anh chuyên ngành	4	45	30	120	
7.1.4	<i>Toán, tin, khoa học tự nhiên</i>					
10	Tin học đại cương	3	30	30	90	
11	Toán cao cấp	3	30	30	60	
12	Xác suất và thống kê toán	3	30	30	60	
7.1.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	9	90	180	
7.1.6	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	8	105	30	270	
7.2	Khối kiến thức cơ bản (giáo dục chuyên nghiệp)					
7.2.1	<i>Khối kiến thức cơ sở</i>	33	300	345	0	
7.2.1.1	<i>Thuộc khối ngành</i>	17	165	180	0	
13	Kinh tế vi mô	3	30	30	90	
14	Kinh tế vĩ mô	4	45	30	90	
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	30	90	
16	Toán kinh tế	3	30	30	60	
17	Kinh tế lượng	3	30	30	90	
18	Thuế nhà nước	2	15	30	60	
7.2.1.2	<i>Thuộc nhóm ngành</i>	16	135	165		
19	Lý thuyết kế toán	3	30	30	90	
20	Marketing căn bản	3	30	30	90	
21	Nguyên lý thống kê	2	15	30	60	
22	Pháp luật kinh tế	2	15	30	90	
23	Quản trị học đại cương	3	30	15	90	
24	Kinh tế phát triển	3	15	30	60	
7.2.2	<i>Khối kiến thức ngành</i>					

7.2.2.1	<i>Kiến thức chung</i>	22	230	205		
25	Văn hoá doanh nghiệp	3	30	30	60	
26	Quản trị chiến lược	3	30	30	90	
27	Kế toán tài chính	4	45	30	60	
28	Tài chính doanh nghiệp	3	30	30	90	
29	Thống kê Doanh nghiệp	2	20	10	60	
30	Quản trị kinh doanh	3	30	15	90	
31	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	30	90	
	<i>Các môn học tự chọn</i>	2/4				<i>chọn 1 trong 2 môn</i>
32	Kỹ năng quản trị	2	15	30	60	
33	Giao tiếp trong kinh doanh	2	15	30	60	
7.2.2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	25	255	240		
34	Quản trị tác nghiệp	4	45	30	90	
35	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	30	30	90	
36	Quản trị chất lượng	3	30	30	90	
37	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	30	90	
38	Quản lý dự án đầu tư	3	30	30	90	
39	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	30	30	90	
40	Quản trị Marketing	3	30	30	90	
41	Quản trị doanh nghiệp	3	30	30	90	
7.2.3	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	10	80	100	0	
42	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	2	15	30	60	
43	Kinh tế quốc tế	3	15	30	90	
44	Hệ thống thông tin quản lý	2	20	10	60	
	<i>Nhóm môn học tự chọn về Kế toán</i>	3/6				<i>chọn 1 trong 2 môn</i>
45	Kế toán quản trị	3	30	30	90	
46	Lý thuyết kiểm toán	3	30	30	90	
7.2.4	<i>Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận</i>	10				
7.2.4.1	Thực tập	5	100	100		
7.2.4.2	Khoá luận hoặc thi tốt nghiệp	5	125	125		
TỔNG		135	1195	1475	2670	

8. Kế hoạch giảng dạy các kỳ trong toàn khóa

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3					3			
5	Tiếng Anh 1	3	3							
6	Tiếng Anh 2	4		4						
7	Tiếng Anh chuyên ngành	4			4					
8	Tin học đại cương	3	3							
9	Pháp luật đại cương	2	2							
10	Văn bản trong quản lý	2	2							
11	Toán cao cấp	4	4							
12	Xác suất và thống kê toán	3			3					
13	Giáo dục thể chất	3								
14	Giáo dục quốc phòng	8								
15	Kinh tế vi mô	3		3						
16	Kinh tế vĩ mô	4			3					
17	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			2					
18	Toán kinh tế	3				3				
19	Kinh tế lượng	3					3			
20	Thuế nhà nước	2				2				
21	Nguyên lý kế toán	3		3						
22	Marketing căn bản	3		3						
23	Lý thuyết thống kê	2		2						
24	Pháp luật kinh tế	2			2					
25	Quản trị học đại cương	3			3					
26	Kinh tế phát triển	3					3			

27	Văn hoá doanh nghiệp	3				3				
28	Quản trị chiến lược	3				3				
29	Kế toán tài chính	4						4		
30	Tài chính doanh nghiệp	3					3			
31	Thống kê Doanh nghiệp	2				2				
32	Quản trị kinh doanh	3					3			
33	Phân tích hoạt động kinh doanh	3						3		
34	Kỹ năng quản trị	2						2		
35	Giao tiếp kinh doanh	2								
36	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	4						4		
37	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3							3	
38	Quản trị chất lượng	3						3		
39	Quản trị nguồn nhân lực	3				3				
40	Quản lý dự án đầu tư	3							3	
41	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3							3	
42	Quản trị Marketing	3					3			
43	Quản trị doanh nghiệp	3						3		
44	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	2	2							
45	Kinh tế quốc tế	3							3	
46	Hệ thống thông tin quản lý	2							2	
47	Kế toán quản trị	3							3	
48	Lý thuyết kiểm toán	3								
49	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10								10
	Thực tập	5								
	Khoá luận hoặc thi tốt nghiệp	5								
	Tổng cộng	135	18	18	17	18	18	19	17	10

9. Hướng dẫn thực hiện khung chương trình:

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Quản trị kinh doanh ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cứ 2 năm /1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ.

- Phần kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo chuyên ngành hẹp Quản trị kinh doanh tổng hợp.

- Phần kiến thức bổ trợ (nếu có): có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới 1 hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Quản trị kinh doanh nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị trình độ Đại học trong phạm vi của trường.

10. Dự kiến mức học phí/người học/năm:

Học phí thu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng cho trường công lập.

HIỆU TRƯỞNG